TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.
2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT: ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
Chổ ở hiện nay: ấp BN, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1982.
Địa chỉ cư trú: ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. *(Chị S có mặt tại phiên tòa, ,anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị S trình bày: Vào năm 2002 chị và anh Phạm Văn Th sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng sống riêng ở xã B, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013, đến tháng 06/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, do bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau và anh Th thường xuyên đánh đập chị không gây thương tích, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, trong thời gian ly thân có gặp nhau để hàn gắn tình cảm

nhưng không hàn gắn được, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Th. Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh năm sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013 (Hiện đang sống với anh Th), chị đồng ý để anh Th nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/5/2019, anh Phạm Văn Th khai: Vào năm 2002 anh và chị Bùi Thị S sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng sống riêng ở xã B, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh năm sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013, sau đó vợ chồng lên thành phố làm ăn sinh sống, không biết lý do vì sao vợ anh thiếu nợ phải mượn tiền của chị anh trả người ta, sau đó vợ anh bỏ đi không về, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, trong thời gian ly thân có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được, nay chị S yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013 (Hiện đang sống với anh), anh yêu cầu nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Có thiếu nợ, tên họ, số tiền, địa chỉ chủ nợ anh sẽ cung cấp sau.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về tình cảm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị S; Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh Th tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bị đơn Phạm Văn Th vắng mặt lần thứ hai nhưng không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên tiếp tục xét xử vụ án phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn Th và tại biên bản hòa giải ngày 20/5/2019, chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013, thống nhất giao con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ai phải cấp dưỡng. Đây là vụ án về ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th cư trú tại ấp P, xã B, huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Th cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/7/2007 phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy anh Phạm Văn Th không đồng ý ly hôn nhưng khi Tòa án tiến hành mời các đương sự để hòa giải đoàn tụ thì anh Th không về tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án, điều này chứng tỏ anh Th không còn tình cảm với chị S. Mặt khác, anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013, sau đó anh chị có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được. Chị S cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Th, nên tình cảm vợ chồng của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị S là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong đơn khởi kiện, chị S thống nhất giao con chung cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng, trong quá trình giải quyết vụ án Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013, thống nhất giao con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ai phải cấp dưỡng. Tại phiên tòa, chị S thay đổi ý kiến, thống nhất giao cả hai con chung cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nên chấp nhận sự thay đổi của chị S. Về cấp dưỡng: Anh Th tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị S và anh Phạm Văn Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng anh Th trình bày có nợ chung, tên họ, số tiền, địa chỉ chủ nợ anh sẽ cung cấp sau cho Tòa án nhưng khi Tòa án thông báo yêu cầu anh Th cung cấp họ tên, địa chỉ cư trú và số tiền nợ của các chủ nợ nhưng anh Th không cung cấp cho Tòa án nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BG/2015 0004281 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Bùi Thị S không phải nộp thêm.

4.2. Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị S. Cho chị Bùi Thị S ly hôn với anh Phạm Văn Th.

2. Về con chung: Giao các con chung tên Phạm Văn Duy K, sinh ngày 08/9/2003 và Phạm Thị Khánh N, sinh ngày 23/7/2013 cho anh Phạm Văn Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phạm Văn Th tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1 Chị Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BG/2015 0004281 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Bùi Thị S không phải nộp thêm.

3.2 Anh Phạm Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu câu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Thức